**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

**BÁO CÁO**

**CÁC QUY ĐỊNH, CHÍNH SÁCH TRONG LĨNH VỰC LOGISTICS**

**Số tháng 8/2018**

**THUỘC NHIỆM VỤ**

**“Xây dựng Hệ thống cung cấp, kết nối thông tin, dữ liệu logistics   
giai đoạn 2017-2020”**

**Hà Nội, 2018**

**MỤC LỤC**

[**1.** **Các quy định, chính sách chung về logistics** 2](#_Toc523428996)

[***1.1.*** ***Đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến đối với hàng hóa xuất nhập khẩu*** 2](#_Toc523428997)

[***1.2.*** ***Về định dạng thông điệp dữ liệu trao đổi giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất*** 4](#_Toc523428998)

[**2.** **Về hạ tầng phục vụ logistics:** 5](#_Toc523428999)

[***2.1.*** ***Mục tiêu về kết cấu hạ tầng giao thông vận tải của tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*** 5](#_Toc523429000)

[***2.2.*** ***Quy hoạch mạng lưới các điểm đỗ xe, bãi đỗ xe thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*** 6](#_Toc523429001)

[**3.** **Về vận tải:** 9](#_Toc523429002)

[***3.1.*** ***Quy định về hạn chế và cấp phép cho ô tô chở hàng, ô tô tải lưu thông trong khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh*** 9](#_Toc523429003)

[***3.2.*** ***Giám sát hải quan đối với hàng kinh doanh tạm nhập tái xuất có sự thay đổi phương thức vận tải*** 12](#_Toc523429004)

[**4.** **Về dự trữ, kho bãi:** 14](#_Toc523429005)

[**PHỤ LỤC** 15](#_Toc523429006)

**NỘI DUNG BÁO CÁO**

1. **Các quy định, chính sách chung về logistics**
   1. ***Đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến đối với hàng hóa xuất nhập khẩu***

Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với các nước trong khu vực và thế giới, việc cải cách mang tính đột phá, sâu rộng, hiệu quả cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và tạo thuận lợi thương mại có ý nghĩa rất quan trọng góp phần thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về cải cách hành chính, nâng cao xếp hạng về môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh của Việt Nam bằng mức trung bình của các nước ASEAN4 và hướng tới nhóm các nước OECD, tạo động lực góp phần vào thúc đẩy tăng trưởng [kinh tế](http://baodautu.vn/thoi-su-d1/) và xuất khẩu.

Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị thúc đẩy phát triển cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một của ASEAN và tạo thuận lợi thương mại.  
 Theo đó, đến năm 2020, tất cả các thủ tục hành chính liên quan đến quản lý nhà nước đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; người và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh được thực hiện thông qua cơ chế một cửa quốc gia dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4.

Trước mắt, từ nay đến cuối năm 2018, ngoài 53 thủ tục hành chính đã kết nối qua cơ chế một cửa quốc gia, các Bộ, ngành phải hoàn thành việc kết nối 143 thủ tục hành chính đã đăng ký; đồng thời, tham gia và triển khai đầy đủ cơ chế một cửa ASEAN theo đúng cam kết và lộ trình thực hiện của các nước ASEAN; sẵn sàng về mặt kỹ thuật để kết nối và trao đổi thông tin với các đối tác thương mại khác ngoài ASEAN theo các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Tất cả các Bộ, cơ quan Chính phủ liên quan trực tiếp và gián tiếp sử dụng thông tin về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; người và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh được kết nối và chia sẻ thông tin quản lý nhà nước thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Về cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, Thủ tướng yêu cầu cải cách toàn diện công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu theo nguyên tắc chỉ kiểm tra tại cửa khẩu đối với các mặt hàng tác động đến an toàn xã hội, an ninh quốc gia, phải kiểm dịch hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người dân; chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro và đánh giá tuân thủ của [doanh nghiệp](http://baodautu.vn/doanh-nghiep-d3/); minh bạch, công khai phương pháp, tiêu chí kiểm tra thông qua việc ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn đánh giá; đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

Thủ tướng yêu cầu các Bộ, ngành tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chuyên ngành, đối chiếu với mục tiêu và nhiệm vụ đề ra tại các Nghị quyết của Chính phủ và Kế hoạch hành động trên đây để sửa đổi, bổ sung theo hướng cắt giảm tối đa các mặt hàng không cần thiết phải kiểm tra trước khi thông quan, nhưng vẫn phải đảm bảo các yêu cầu về quản lý của cơ quan nhà nước và chống buôn lậu, gian lận thương mại; chấm dứt việc ban hành danh mục hàng hóa thuộc diện phải kiểm tra chuyên ngành nhưng không có quy định về quy chuẩn, tiêu chuẩn hoặc tiêu chí, phương pháp kiểm tra (trừ trường hợp hàng hóa đặc thù).

Đồng thời, tăng cường sự phối hợp giữa các Bộ, ngành để khắc phục ngay tình trạng chồng chéo, trùng lắp trong kiểm tra chuyên ngành và tình trạng một mặt hàng cùng lúc phải thực hiện nhiều thủ tục, hình thức quản lý, kiểm tra; không để kiểm tra chuyên ngành làm hạn chế thương mại, lưu thông hàng hóa.

Trong năm năm 2018, phấn đấu giảm tỷ lệ các lô hàng phải kiểm tra chuyên ngành xuống dưới 15%; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa 50% danh mục hàng hóa, sản phẩm và thủ tục kiểm tra chuyên ngành.

Thủ tướng yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố phối hợp với Ủy ban chỉ đạo quốc gia về cơ chế một của ASEAN, cơ chế một cửa quốc gia và tạo thuận lợi thương mại (Ủy ban 1899), Bộ [Tài chính](http://baodautu.vn/tai-chinh-bao-hiem-d6/) thường xuyên theo dõi, giám sát việc triển khai cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và tạo thuận lợi thương mại tại địa phương mình.

Ủy ban 1899, các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục phát huy kết quả bước đầu đạt được thời gian qua, khắc phục các tồn tại, khó khăn, nhân rộng mô hình tốt, nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ đề ra để góp phần vào việc xây dựng Việt Nam là nước thực thi tốt các cam kết quốc tế và có môi trường [đầu tư](http://baodautu.vn/), kinh doanh thuận lợi.

* 1. ***Về định dạng thông điệp dữ liệu trao đổi giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất***

Ngày 09/8/2018, TCHQ ban hành Quyết định[2270/QĐ-TCHQ](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=2270%2fQ%c4%90-TCHQ&area=2&type=0&lan=1&match=False&sort=2&vc=True) về việc định dạng thông điệp dữ liệu trao đổi giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất

Theo đó, bổ sung một số thông tin trao đổi sau:

- DN khai báo trong giai đoạn chuẩn bị quá trình sản xuất:

+ Hợp đồng gia công;

+ Danh mục NPL SXXK, Danh mục SP SXXK;

+ Danh mục hàng hóa đưa vào và đưa ra doanh nghiệp chế xuất, Định mức sản phẩm doanh nghiệp chế xuất.

- DN khai báo trong giai đoạn sản xuất: Thông tin nhập kho, thông tin  xuất kho.

- DN khai báo trong giai đoạn báo cáo quyết toán: Báo cáo máy móc thiết bị, Thông tin tiêu hủy.

- DN khai báo trước khi thực hiện việc trao đổi thông tin lần đầu kết nối với

Hệ thống của CQHQ: Báo cáo chốt tồn. Quyết định[2270/QĐ-TCHQ](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=2270%2fQ%c4%90-TCHQ&area=2&type=0&lan=1&match=False&sort=2&vc=True) có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

1. **Về hạ tầng phục vụ logistics:** 
   1. ***Mục tiêu về kết cấu hạ tầng giao thông vận tải của tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030***

Theo điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, mục tiêu về kết cấu hạ tầng giao thông vận tải của tỉnh Nam Định như sau:

- Đường bộ: Toàn bộ hệ thống quốc lộ và đường tỉnh phải được đưa vào đúng cấp kỹ thuật; mở rộng và xây dựng mới các quốc lộ có nhu cầu vận tải lớn; xây dựng hệ thống đường bộ cao tốc trên các hành lang vận tải quan trọng. Các tuyến đường bộ đối ngoại đạt tiêu chuẩn kỹ thuật của đường bộ khu vực. Mạng đường bộ tỉnh đến năm 2030 bao gồm 03 đường vành đai thành phố, 07 tuyến quốc lộ và 03 tuyến đường cao tốc và 01 tuyến đường bộ ven biển, 13 tuyến đường tỉnh và các đường giao thông nông thôn.

- Đường sắt: Hoàn thành cải tạo, nâng cấp các tuyến đường sắt hiện có đạt cấp tiêu chuẩn kỹ thuật đường sắt quốc gia và khu vực; dành quỹ đất phát triển xây dựng mới tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam, tuyến đường sắt Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh và tuyến Nam Định - Thịnh Long và khu kinh tế Ninh Cơ. Làm đường gom dọc theo đường sắt, xóa bỏ đường dân sinh.

- Đường biển: Đầu tư phát triển đồng bộ bến cảng và luồng vào cảng; tiếp nhận tàu trọng tải lớn, các tàu container thế hệ mới; xây dựng các cảng chuyên dùng, các cảng hành khách đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội. Xây dựng cảng tổng hợp mới ở khu vực Hải Thịnh, Nghĩa Hưng, phục vụ khu kinh tế Ninh Cơ và Khu công nghiệp dệt may Rạng Đông.

- Đường thủy nội địa: Hoàn thành nâng cấp hệ thống đường sông chính đạt cấp kỹ thuật quy định; tập trung cải tạo, chỉnh trị một số đoạn tuyến quan trọng; tăng chiều dài các đoạn, tuyến sông được quản lý khai thác. Đầu tư chiều sâu, nâng cấp và xây dựng mới các cảng đầu mối, bến hàng hóa và hành khách. Xây dựng cảng Nam Định mới trên sông Hồng.

- Giao thông đô thị: Tăng quỹ đất để xây dựng hạ tầng giao thông tại các đô thị, bao gồm giao thông động và giao thông tĩnh; đến năm 2020 đất dành cho giao thông thành phố Nam Định - Đô thị loại I đạt 23-25%, các đô thị còn lại đạt 16-20%, trong đó giao thông tĩnh đạt 5-7%. Mật độ bình quân đường giao thông tại các khu vực trung tâm đạt từ 6 đến 8 Km/Km2, các khu vực khác đạt từ 3 đến 5 Km/Km2.

- Giao thông nông thôn: Phát triển đường giao thông nông thôn theo Quyết định số [1509/QĐ-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/quyet-dinh-1509-qd-bgtvt-phe-duyet-chien-luoc-phat-trien-giao-thong-non-126528.aspx) ngày 8/7/2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt chiến lược phát triển giao thông nông thôn Việt Nam đến 2020, tầm nhìn đến 2030 đảm bảo hoàn thiện cơ bản mạng lưới kết cấu hạ tầng Giao thông nông thôn, 100% đường huyện, đường xã được vào cấp kỹ thuật; được nhựa hóa hoặc bê tông hóa và được bảo trì theo kế hoạch; 100% đường thôn xóm được cứng hóa, đạt tối thiểu loại A.

* 1. ***Quy hoạch mạng lưới các điểm đỗ xe, bãi đỗ xe thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030***

Với mục tiêu phát triển mạng lưới điểm đỗ xe, bãi đỗ xe theo hướng đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông; đáp ứng nhu cầu đỗ xe của người dân và xã hội với chất lượng ngày càng cao; góp phần thực hiện mục tiêu phát triển thành phố Hải Phòng thành đô thị loại đặc biệt và thành phố Cảng xanh, văn minh, hiện đại, UBND thành phố Hải Phòng đã ban hành Quy hoạch mạng lưới các điểm đỗ xe, bãi đỗ xe thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 , theo đó:

- Quy hoạch đến năm 2020 tổng diện tích đất bến, bãi đỗ xe, điểm đỗ xe công cộng chiếm 0,40% - 0,45% đất xây dựng đô thị.

- Quy hoạch đến năm 2025 tổng diện tích đất bến, bãi đỗ xe, điểm đỗ xe công cộng chiếm 0,45% - 0,50% đất xây dựng đô thị. Tỷ lệ diện tích bãi đỗ xe, điểm đỗ xe ngầm, cao tầng đạt 2% - 5% so với tổng diện tích bãi đỗ xe, điểm đỗ xe. Tỷ lệ ứng dụng công nghệ thông minh vào quản lý, khai thác các bãi đỗ xe, điểm đỗ xe đến năm 2025 đạt 5% - 10% tổng số lượng quy hoạch bãi đỗ xe, điểm đỗ xe. Đầu tư xây dựng 2 - 3 bãi đỗ xe ngầm, cao tầng, thông minh tại một số khu vực các quận trung tâm.

**(1) Quy hoạch bãi đỗ xe, điểm đỗ xe**

a) Bãi đỗ xe công cộng

Quy hoạch đến năm 2020 trên địa bàn thành phố hình thành 173 bãi đỗ xe với tổng diện tích 96,34 ha.

Đến năm 2025 quy hoạch 241 bãi đỗ xe với tổng diện tích 136,89 ha, trong đó duy trì 173 bãi đỗ xe theo quy hoạch giai đoạn trước và xây dựng mới 68 bãi đỗ xe với tổng diện tích tăng thêm 40,55 ha.

Đến năm 2030 quy hoạch 305 bãi đỗ xe với tổng diện tích 166,23 ha, trong đó duy trì 241 bãi đỗ xe theo quy hoạch giai đoạn trước và xây dựng mới 64 bãi đỗ xe với tổng diện tích tăng thêm 29,34 ha.

b) Bãi đỗ xe hàng

Đến năm 2020 quy hoạch 21 bãi đỗ xe hàng (xây dựng mới) với tổng diện tích là 29,2 ha.

Đến năm 2025 quy hoạch 26 bãi đỗ xe hàng với tổng diện tích là 34,29 ha, trong đó nâng cấp 21 bãi đỗ xe theo quy hoạch giai đoạn trước và xây dựng mới 05 bãi đỗ xe hàng với tổng diện tích tăng thêm là 5,09 ha.

Đến năm 2030 quy hoạch 33 bãi đỗ xe hàng với tổng diện tích là 37,6 ha, trong đó nâng cấp 26 bãi đỗ xe theo quy hoạch giai đoạn trước và xây dựng mới 07 bãi đỗ xe hàng tổng diện tích tăng thêm là 3,31 ha (Chi tiết tại Phụ lục 01A).

c) Điểm đỗ xe công cộng

Đến năm 2020 quy hoạch 22 điểm đỗ xe trên một số tuyến đường với tổng diện tích là 1,9651 ha (chi tiết tại Phụ lục 01B).

**(2) Quy hoạch bến xe khách (BXK)**

a) Đến năm 2020

- Trên địa bàn thành phố có 17 bến xe khách với tổng diện tích 27,30 ha (chi tiết tại Phụ lục 02A), trong đó:

+ Xây dựng mới 08 BXK với tổng diện tích 20,71 ha: BXK Hải Thành - quận Dương Kinh; BXK Vĩnh Niệm - quận Lê Chân; BXK phía Nam - quận Kiến An; BXK phía Đông - quận Hải An; BXK Minh Đức - huyện Thủy Nguyên; BXK Tiên Lãng; BXK Đại Hợp - huyện Kiến Thụy; BXK Cát Hải.

+ Nâng cấp, duy trì hoạt động 06 BXK với tổng diện tích 4,02 ha gồm: BXK Thượng Lý - quận Hồng Bàng, BXK phía Bắc - huyện Thủy Nguyên, BXK Vĩnh Bảo, BXK Đồ Sơn, BXK Kiến Thụy, BXK An Lão.

+ Nghiên cứu từng bước chuyển đổi mục đích sử dụng 03 BXK liên tỉnh với tổng diện tích 2,57ha: BXK Cầu Rào - quận Ngô Quyền, BXK Niệm Nghĩa - quận Lê Chân, BXK Lạc Long - quận Hồng Bàng thành điểm đầu cuối xe buýt, bãi đỗ xe và kết hợp với thương mại dịch vụ.

b) Đến năm 2025

- Trên địa bàn thành phố có 18 bến xe khách với tổng diện tích 29,02 ha (chi tiết tại Phụ lục 02B), trong đó xây dựng mới 07 BXK với tổng diện tích 4,61 ha: BXK Đồ Sơn mới; BXK Quảng Thanh - huyện Thủy Nguyên; BXK Hùng Thắng - huyện Tiên Lãng; BXK Nam Am - huyện Vĩnh Bảo; BXK Hà Phương - huyện Vĩnh Bảo; BXK Kiến Thụy mới; BXK An Lão mới.

- Chuyển đổi công năng 06 BXK phục vụ điểm đầu cuối xe buýt và bãi đỗ xe kết hợp với thương mại dịch vụ gồm có: BXK Cầu Rào - quận Ngô Quyền, BXK Niệm Nghĩa - quận Lê Chân, BXK Lạc Long - quận Hồng Bàng; BXK Đồ Sơn cũ; BXK Kiến Thụy cũ, BXK An Lão cũ.

c) Định hướng đến năm 2030

Cơ bản hoàn thiện mạng lưới BXK theo hướng đồng bộ với kết cấu hạ tầng đô thị, kết nối hợp lý với các phương thức vận tải khác; đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân với chất lượng ngày càng cao. Đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng có 21 BXK với tổng diện tích 33,72 ha (chi tiết tại Phụ lục 02C), trong đó xây dựng mới 03 BXK với tổng diện tích 4,7ha: BXK Tây Bắc - huyện An Dương; BXK phía Tây - quận Hồng Bàng; BXK phía Tây 2 - huyện An Lão.

1. **Về vận tải:** 
   1. ***Quy định về hạn chế và cấp phép cho ô tô chở hàng, ô tô tải lưu thông trong khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh***

Theo quyết định số 23/2018/QĐ-UBND của UBND thành phố Hồ Chí Minh quy định về hạn chế và cấp phép cho ô tô chở hàng, ô tô tải lưu thông trong khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh

***Đối tượng và thời gian hạn chế lưu thông***

1. Xe tải nhẹ không được phép lưu thông vào khu vực nội đô thành phố từ 06 giờ đến 09 giờ và từ 16 giờ đến 20 giờ hàng ngày.

2. Xe tải nặng không được phép lưu thông vào khu vực nội đô thành phố từ 06 giờ đến 22 giờ hàng ngày (trừ một số tuyến hành lang được quy định tại Điều 5 Quy định này).

***Giới hạn khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh***

1. Khu vực nội đô thành phố Hồ Chí Minh được giới hạn bởi các tuyến đường như sau:

a) Hướng Bắc và hướng Tây: đường Quốc lộ 1 (đoạn từ giao lộ Quốc lộ 1 - Xa Lộ Hà Nội đến giao lộ Quốc lộ 1 - đường Nguyễn Văn Linh).

b) Hướng Đông: Xa Lộ Hà Nội (đoạn từ giao lộ Quốc lộ 1 - Xa Lộ Hà Nội đến nút giao thông Cát Lái) - đường Mai Chí Thọ - đường Đồng Văn Cống (đến đường Võ Chí Công).

c) Hướng Nam: đường Võ Chí Công (từ đường Đồng Văn Cống đến cầu Phú Mỹ) - cầu Phú Mỹ - đường Trên cao (từ cầu Phú Mỹ đến nút giao Khu A Nam Sài Gòn) - đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ nút giao Khu A Nam Sài Gòn đến Quốc lộ 1).

2. Xe tải nhẹ và xe tải nặng được lưu thông không hạn chế thời gian trên các tuyến vành đai giới hạn nêu trên.

 ***Đối tượng được xem xét cấp giấy phép lưu thông vào giờ hạn chế lưu thông gồm có:***

1. Xe tải phục vụ cho việc sửa chữa công trình điện của các Công ty Điện lực, các doanh nghiệp có chức năng truyền tải, phân phối điện năng.

2. Xe tải phục vụ cho việc ứng cứu thông tin các công trình của Bưu điện, Viễn thông, sửa chữa các công trình thông tin liên lạc của các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ công ích. Xe phục vụ vận chuyển phát hành thư, báo, bưu phẩm, bưu kiện của Bưu điện. Xe thư viện số lưu động.

3. Xe tải phục vụ cho việc bảo trì chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, sửa chữa cầu, đường, cấp nước, thoát nước, chăm sóc công viên cây xanh của các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ công ích.

4. Ô tô chuyên dùng phục vụ vận chuyển tiền, vàng bạc đá quý của Ngân hàng, Kho bạc nhà nước.

5. Xe tải nhẹ của doanh nghiệp có chức năng chuyển phát, phục vụ vận chuyển dịch vụ thư, được Sở Thông tin và Truyền thông hoặc Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép cung ứng dịch vụ chuyển phát thư hoặc giấy phép bưu chính.

6. Xe tải nhẹ của doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thực phẩm tươi sống, hoa tươi, con giống).

7. Xe tải nhẹ vận chuyển ôxy, vắc-xin cung cấp cho bệnh viện, trung tâm y tế.

8. Xe tải nhẹ của doanh nghiệp có chức năng vận chuyển suất ăn công nghiệp hoặc thực phẩm tươi sống (thịt, thủy hải sản) phục vụ các trung tâm xã hội, trường học, bệnh viện, siêu thị, khu công nghiệp.

9. Xe tải của các cơ quan, đoàn thể, cá nhân vận chuyển dụng cụ, thiết bị phục vụ các dịp lễ Tết, các ngày lễ hội, hội diễn văn hóa nghệ thuật tại thành phố. Xe vận chuyển đạo cụ các đoàn múa Lân Sư Rồng phục vụ Tết Nguyên Đán hàng năm.

10. Ô tô cứu hộ của doanh nghiệp có chức năng cứu hộ giao thông (chức năng cứu hộ phải được thể hiện trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ).

11. Xe tải nhẹ của các doanh nghiệp vận chuyển thực phẩm tươi sống tham gia chương trình Bình ổn thị trường theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố.

12. Xe tải nặng vận chuyển nước sạch phục vụ nhu cầu đời sống của nhân dân.

***Đối tượng được xem xét cấp giấy phép lưu thông từ 09 giờ đến 16 giờ và từ 20 giờ đến 22 giờ gồm có:***

1. Xe tải nặng vận chuyển các loại vật tư, thiết bị phục vụ thi công một số hạng mục thuộc các công trình hạ tầng trọng điểm của thành phố mà không thể thi công vào ban đêm (do công nghệ, biện pháp thi công đặc thù).

2. Xe tải nặng vận chuyển chất thải nguy hại (theo Quyết định số [85/2007/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/quyet-dinh-85-2007-qd-ubnd-quy-dinh-tuyen-thoi-gian-van-chuyen-chat-thai-nguy-hai-dia-ban-thanh-pho-ho-chi-minh-53508.aspx)ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố) theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường; xe thu gom, vận chuyển bùn hầm cầu, bùn nạo vét (theo Quyết định số [73/2007/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/xay-dung-do-thi/quyet-dinh-73-2007-qd-ubnd-quy-dinh-quan-ly-dich-vu-thu-gom-van-chuyen-xu-ly-bun-ham-cau-bun-nao-vet-he-thong-thoat-nuoc-kenh-rach-tp-ho-chi-minh-19788.aspx) ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố).

3. Xe tải nặng vận chuyển rác thải theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Xe chuyên dùng vận chuyển xăng dầu phục vụ hoạt động của sân bay.

***Các tuyến hành lang xe tải nặng lưu thông không giới hạn thời gian ở tp. HCM gồm có:***

- Hành lang ra vào khu vực cảng Phúc Long, quận Thủ Đức: Xa Lộ Hà Nội - Ngã tư Tây Hòa - đường Nguyễn Văn Bá - đường số 2 - cảng Phúc Long (địa chỉ số 494 đường Trường Thọ, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức) và ngược lại.

- Hành lang ra vào khu vực các cảng dọc tuyến đường Lưu Trọng Lư, quận 7:

+ Đường Nguyễn Văn Linh - Huỳnh Tấn Phát - Lưu Trọng Lư (bao gồm cả đường Liên cảng A5 và đường Bến Nghé).

+ Đường Lưu Trọng Lư - Huỳnh Tấn Phát - Trần Xuân Soạn - Tân Thuận 4 (đường nối Trần Xuân Soạn và đường Nguyễn Văn Linh) - Nguyễn Văn Linh.

- Hành lang ra vào khu vực Cảng ICD: Đường số 1, quận Thủ Đức (đoạn từ đường Nguyễn Văn Bá đến nhánh sông Sài Gòn).

- Đường vào chợ đầu mối Bình Điền, huyện Bình Chánh: đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh vào chợ.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018; bãi bỏ các Quyết định số [121/2007/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/quyet-dinh-121-2007-qd-ubnd-han-che-cap-phep-xe-o-to-van-tai-luu-thong-khu-vuc-noi-do-thanh-pho-ho-chi-minh-55486.aspx" \o "Quyết định 121/2007/QĐ-UBND" \t "_blank) ngày 19 tháng 9 năm 2007, Quyết định số [66/2011/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/quyet-dinh-66-2011-qd-ubnd-sua-doi-han-che-va-cap-phep-cho-xe-oto-van-tai-131069.aspx) ngày 22 tháng 10 năm 2011, Quyết định số [68/2011/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/quyet-dinh-68-2011-qd-ubnd-dieu-chinh-quyet-dinh-66-2011-qd-ubnd-131392.aspx) ngày 02 tháng 11 năm 2011, Quyết định số [85/2011/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/quyet-dinh-85-2011-qd-ubnd-bo-sung-hanh-lang-tuyen-duong-cho-phep-xe-o-to-133634.aspx) ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố và các văn bản trước đây có nội dung trái với Quyết định này.

* 1. ***Giám sát hải quan đối với hàng kinh doanh tạm nhập tái xuất có sự thay đổi phương thức vận tải***

Thời gian gần đây có nhiều doanh nghiệp thắc mắc về các thủ tục giám sát hải quan đối với hàng hóa tạm nhập tái xuất có sự thay đổi phương thức vận tải. Vấn đề này có thể được giải quyết như sau:

Thủ tục hải quan đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất thực hiện theo quy định tại Thông tư số [38/2015/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/xuat-nhap-khau/thong-tu-38-2015-tt-btc-thu-tuc-hai-quan-thue-xuat-khau-nhap-khau-quan-ly-thue-hang-xuat-nhap-khau-269789.aspx) ngày 25/03/2015 và Thông tư số 39/2018//TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư số [38/2015/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/xuat-nhap-khau/thong-tu-38-2015-tt-btc-thu-tuc-hai-quan-thue-xuat-khau-nhap-khau-quan-ly-thue-hang-xuat-nhap-khau-269789.aspx), theo đó:

1. Về điểm sang tải hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 82 Thông tư số 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 56 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC quy định hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất (bao gồm các trường hợp đã hoàn thành thủ tục tạm nhập hoặc đã hoàn thành thủ tục tái xuất, chờ thực xuất) được thực hiện sang tải hàng hóa tại các địa điểm sau:

"a) Khu vực chịu sự giám sát hải quan tại cửa khẩu;

b) Cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa hoặc kho ngoại quan tại cửa khẩu nhập hoặc cửa khẩu xuất;

c) Kho, bãi của thương nhân đã được Bộ Công Thương cấp mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất;

d) Các điểm thông quan, địa điểm kiểm tra hàng hóa xuất khẩu ở biên giới".

Và container hoặc phương tiện vận tải hàng hóa phải đảm bảo điều kiện để niêm phong hải quan theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 83 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

2. Giám sát hải quan đối với hàng hóa vận chuyển từ cửa khẩu tạm nhập đến cửa khẩu tái xuất thực hiện theo quy định khoản 6 Điều 82 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, cụ thể như sau:

- Trường hợp doanh nghiệp đăng ký tờ khai tái xuất tại Chi cục Hải quan tạm nhập thì thủ tục vận chuyển hàng hóa từ cửa khẩu nhập đến cửa khẩu xuất thực hiện thủ tục hải quan theo hình thức vận chuyển kết hợp quy định tại Điều 51c khoản 30 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính.

- Trường hợp doanh nghiệp đăng ký tờ khai tái xuất tại Chi cục Hải quan xuất thì thủ tục vận chuyển hàng hóa từ cửa khẩu nhập đến cửa khẩu xuất thực hiện thủ tục hải quan theo hình thức vận chuyển độc lập quy định tại Điều 51b khoản 30 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính.

- Việc giám sát hải quan từ Chi cục Hải quan nơi đi và Chi cục Hải quan nơi đến (bao gồm Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập, Chi cục Hải quan của khẩu xuất, Chi cục Hải quan quản lý địa điểm thay đổi phương tiện vận tải) bằng Biên bản bàn giao theo Mẫu 10/BBBG/GSQL Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số [39/2018/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/xuat-nhap-khau/thong-tu-39-2018-tt-btc-sua-doi-thong-tu-38-2015-tt-btc-kiem-tra-giam-sat-hai-quan-342345.aspx) , cụ thể:

+ Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi: Thực hiện niêm phong hàng hóa, lập 03 Biên bản bàn giao hàng hóa theo Mẫu 10/BBBG/GSQL nêu trên, giao 02 Biên bản bàn giao cho người khai hải quan để vận chuyển cùng hàng hóa cho Chi cục hải quan nơi hàng hóa chuyển đến để làm tiếp thủ tục theo quy định.

+ Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đến: Thực hiện tiếp nhận biên bản bàn giao từ người khai hải quan và kiểm tra các thông tin về Biên bản bàn giao, kiểm tra tình trạng niêm phong hoặc nguyên trạng hàng hóa, đối chiếu số niêm phong thực tế với số niêm phong hải quan trên biên bản bàn giao. Kết quả phù hợp thì xác nhận trên 02 Biên bản bàn giao (lưu 01 Biên bản và giao người khai hải quan 01 Biên bản). Trường hợp hàng hóa tiếp tục vận chuyển đến địa điểm tiếp theo để sang tải hoặc cửa khẩu xuất thì thực hiện công việc của Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đi nêu trên.

1. **Về dự trữ, kho bãi:**

Từ ngày 01/10/2018, Nghị định [107/2018/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=107%2f2018%2fN%c4%90-CP&area=2&type=0&lan=1&match=False&sort=2&vc=True) về kinh doanh xuất khẩu gạo bắt đầu có hiệu lực, theo đó, thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo phải thường xuyên duy trì mức dự trữ lưu thông tối thiểu tương đương 5% số lượng gạo mà thương nhân đã xuất khẩu trong 06 tháng trước đó (giảm 5% so với trước đây).

Qua đó, vừa bảo đảm cung cấp kịp thời nhu cầu tiêu dùng gạo tại từng thời điểm cụ thể, tránh gây ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế - xã hội; vừa tạo các điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi kinh doanh. Đồng thời, Nghị định 107 quy định thương nhân được kinh doanh xuất khẩu gạo khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Có ít nhất 01 kho chuyên dùng chứa thóc, gạo phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kĩ thuật quốc gia;

- Có ít nhất 01 cơ sở xay, xát hoặc cơ sở chế biến thóc, gạo phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Kho chứa, cơ sở xay, xát, chế biến thóc, gạo có thể thuộc sở hữu của thương nhân hoặc thuê của tổ chức, cá nhân khác có hợp đồng thuê bằng văn bản với thời hạn thuê tối thiểu 05 năm.

Nghị định [107/2018/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=107%2f2018%2fN%c4%90-CP&area=2&type=0&lan=1&match=False&sort=2&vc=True) bãi bỏ Nghị định [109/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=109%2f2010%2fN%c4%90-CP&area=2&type=0&lan=1&match=False&sort=2&vc=True) ngày 04/11/2010.

**PHỤ LỤC**

**QUY HOẠCH BÃI ĐỖ XE HÀNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030***(Kèm theo Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

| **TT** | **Phường, xã (Quận, huyện)** | **Đến năm 2020**  **(m2)** | **Đến năm 2025 (m2)** | **Đến năm 2030 (m2)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Xã Hồng Phong (huyện An Dương) | 1.500 | 1.500 | 1.500 |
| 2 | Xã An Hòa (huyện An Dương) | 1.500 | 1.500 | 1.500 |
| 3 | Xã Đại Bản (huyện An Dương) | 2.000 | 2.000 | 2.000 |
| 4 | Xã An Hồng (huyện An Dương) | 1.500 | 1.500 | 1.500 |
| 5 | P. Trại Chuối (quận Hồng Bàng) | 3.500 | 3.500 | 3.500 |
| 6 | Xã Kiền Bái (huyện Thủy Nguyên) | 1.500 | 1.500 | 1.500 |
| 7 | Xã An Lư (huyện Thủy Nguyên) | 1.500 | 1.500 | 1.500 |
| 8 | Xã Thủy Triều (huyện Thủy Nguyên) | 1.000 | 1.000 | 1.000 |
| 9 | Xã Ngũ Lão (huyện Thủy Nguyên) | 2.500 | 2.500 | 2.500 |
| 10 | Xã Tam Hưng (huyện Thủy Nguyên) | 2.000 | 2.000 | 2.000 |
| 11 | P. Đông Hải 1 (quận Hải An) | 1.000 | 1.000 | 1.000 |
| 12 | P. Đông Hải 2 (quận Hải An) | 50.000 | 50.000 | 50.000 |
| 13 | P. Đông Hải 2 (quận Hải An) | 20.000 | 20.000 | 20.000 |
| 14 | P. Đông Hải 2 (quận Hải An) | 48.000 | 48.000 | 48.000 |
| 15 | P. Đông Hải 2 (quận Hải An) | 45.000 | 45.000 | 45.000 |
| 16 | P. Đa Phúc (quận Dương Kinh) | 10.000 | 10.000 | 10.000 |
| 17 | P. Anh Dũng (quận Dương Kinh) | 5.000 | 5.000 | 5.000 |
| 18 | Xã Ngũ Phúc (huyện Kiến Thụy) | 2.500 | 2.500 | 2.500 |
| 19 | P. Quán Trữ (quận Kiến An) | 2.000 | 2.000 | 2.000 |
| 20 | Xã Nghĩa Lộ (huyện Cát Hải) | 50.000 | 50.000 | 50.000 |
| 21 | Xã Đồng Bài (huyện Cát Hải) | 40.000 | 40.000 | 40.000 |
| 22 | P. Đằng Giang (quận Ngô Quyền) |  | 1.500 | 1.500 |
| 23 | P. Hưng Đạo (quận Dương Kinh) |  | 21.900 | 21.900 |
| 24 | P. Hòa Nghĩa (quận Dương Kinh) |  |  | 1.400 |
| 25 | P. Hòa Nghĩa (quận Dương Kinh) |  |  | 6.700 |
| 26 | Xã Quang Phục (huyện Tiên Lãng) |  | 5.000 | 5.000 |
| 27 | Xã Tiên Cường (huyện Tiên Lãng) |  | 12.500 | 12.500 |
| 28 | Xã Giang Biên (huyện Vĩnh Bảo) |  |  | 2.000 |
| 29 | Xã An Hòa (huyện Vĩnh Bảo) |  |  | 5.000 |
| 30 | Xã Cổ Am (huyện Vĩnh Bảo) |  |  | 5.500 |
| 31 | Xã Trường Thọ (huyện An Lão) |  | 10.000 | 10.000 |
| 32 | Xã Quang Trung (huyện An Lão) |  |  | 5.000 |
| 33 | Xã Chiến Thắng (huyện An Lão) |  |  | 7.500 |
| **Tổng** | | **292.000** | **342.900** | **376.000** |

**PHỤ LỤC 01B**

QUY HOẠCH ĐIỂM ĐỖ XE THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG ĐẾN NĂM 2020  
*(Kèm theo Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

| **TT** | **Tuyến phố** | **Quận** | **Phường** | **Diện tích đỗ xe (m2)** | **Sức chứa (chỗ)** | **Rộng mặt (m)** | **Rộng hè (m)** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Quang Trung | Hồng Bàng | Phạm Hồng Thái, Phan Bội Châu | 1.400 | 95 | 10 | 6 | x |
| 2 | Trần Hưng Đạo | Hồng Bàng | Hoàng Văn Thụ, Minh Khai | 1.500 | 100 | 11 | 6 |  |
| 3 | Trần Phú | Hồng Bàng | Hoàng Văn Thụ, Minh Khai | 1.450 | 95 | 10,5 | 6 | x |
| 4 | Nguyễn Đức Cảnh | Hồng Bàng | Quang Trung, Phan Bội Châu, Phạm Hồng Thái | 1.000 | 65 | 11 | 4 |  |
| 5 | Tuyến ngang 3; 7; 8 dải trung tâm TP | Hồng Bàng |  | 300 | 20 | 15 | 4-6 |  |
| 6 | Minh Khai | Hồng Bàng | Minh Khai | 250 | 15 |  |  |  |
| Hồng Bàng | Hoàng Văn Thụ | 300 | 20 | 9 | 6 |  |
| 7 | Lý Tự Trọng | Hồng Bàng | Minh Khai | 250 | 15 | 8 | 6 |  |
| Hồng Bàng | Hoàng Văn Thụ | 138 | 10 | 8 | 6 |  |
| 8 | Hồ Xuân Hương | Hồng Bàng | Minh Khai | 225 | 15 | 10 |  |  |
| 9 | Điện Biên Phủ | Hồng Bàng | Minh Khai | 725 | 50 | 12 | 4 |  |
| 10 | Hoàng Văn Thụ | Hồng Bàng | Minh Khai | 250 | 15 | 10 |  |  |
| Hoàng Văn Thụ | 750 | 50 | 10 |  |  |
| 11 | Trần Quang Khải | Hồng Bàng | Hoàng Văn Thụ | 375 | 25 | 10,5 | 5 | x |
| Quang Trung | 200 | 13 | 10,5 | 5 | x |
| 12 | Đinh Tiên Hoàng | Hồng Bàng | Hoàng Văn Thụ | 600 | 40 | 10 | 5 | x |
| 13 | Tam Bạc | Hồng Bàng | Phan Bội Châu | 250 | 15 | 10 |  |  |
| 14 | Lạch Tray | Ngô Quyền | Lạch Tray | 3.184 | 210 | 18 | 7 | x |
| 15 | Lê Lợi | Ngô Quyền | Lê Lợi, Gia Viên | 960 | 64 | 10,5 | 6 |  |
| 16 | Văn Cao | Ngô Quyền | Đằng Giang | 3.798 | 252 | 18 | 7 |  |
| Hải An | Đằng Lâm |
| 17 | Phạm Ngũ Lão | Ngô Quyền | Lương Khánh Thiện | 250 | 15 | 10 | 5 | x |
| 18 | Trần Bình Trọng | Ngô Quyền | Lương Khánh Thiện | 120 | 8 | 15 | 9 |  |
| 19 | Lương Khánh Thiện | Ngô Quyền | Lương Khánh Thiện | 278 | 18 | 8 | 6 |  |
| 20 | Lê Thánh Tông | Ngô Quyền | Máy Tơ, Máy Chai | 316 | 20 | 14 | 5 |  |
| 21 | Tô Hiệu | Lê Chân | Trại Cau, Hồ Nam | 594 | 40 | 14 | 6,5 | x |
| 22 | Trần Nguyên Hãn | Lê Chân | Niệm Nghĩa, Cát Dài | 188 | 12 | 12 | 9,7 |  |
|  | **Tổng** |  |  | **19.651** | **1.297** |  |  |  |

Ghi chú: x cấm đỗ xe giờ cao điểm sáng (7h - 9h), cao điểm chiều (16h - 18h).